| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ PLEIKU**<br>**TỈNH GIA LAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 37/2017/HNGĐ-ST<br>Ngày: 29/6/2017<br>V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

***TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI***

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Đinh Thị Như Phượng**.*

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông ***Ngô Xuân Dệt***.

2. Bà ***Nguyễn Thị Bắc.***

***- Thư ký phiên tòa***: Bà ***Đặng Thị Lệ Quyên*** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2017 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn H. Sinh năm: 1977

Địa chỉ: Hẻm 178 đường T, tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn T. Sinh năm: 1974

Địa chỉ: Hẻm 178 đường T, tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà chị Nguyễn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 20/7/1998. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho đến năm 2010 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm và lối sống, anh T không có trách nhiệm với gia đình, không lo lắng cho con, làm cho không khí trong gia đình luôn căng thẳng. Chúng tôi đã

sống ly thân từ cuối năm 2010 cho đến nay. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn T.

- Về con chung: Tôi và anh Nguyễn T có 02 con chung là Nguyễn Sỹ T, sinh ngày 07/12/1998 và Nguyễn Sỹ N, sinh ngày 07/9/2004. Đối với con chung là Nguyễn Sỹ T đã trưởng thành và có khả năng tự lập nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi Nguyễn Sỹ N, sinh ngày 07/9/2004.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Nguyễn T. Tuy nhiên, anh T không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, anh T không có lời khai tại hồ sơ vụ án và cũng không có lời khai tại phiên toà.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bị đơn là anh Nguyễn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để anh T tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn T.

- Về hôn nhân: chị Nguyễn H và anh Nguyễn T đăng ký kết hôn ngày 20/7/1998 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Nguyễn H trình bày thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, cho đến năm 2010 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Giữa chị và anh T đã phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm, mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, chị và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2010 cho đến nay không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy: mâu thuẫn giữa chị H và anh T là có thật nhưng cả hai người không có biện pháp gì để cải thiện, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được.

Đối với anh Nguyễn T đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các thủ tục để anh tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị H nhưng anh T đều vắng mặt chứng tỏ anh không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không; đến nay thì chị Nguyễn H khẳng định không còn tình cảm yêu thương anh T nữa  nên có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị H về việc ly hôn anh T là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn H và anh Nguyễn T có 02 con chung là Nguyễn Sỹ T, sinh ngày 07/12/1998 và Nguyễn Sỹ N, sinh ngày 07/9/2004. Đối với cháu Thanh đã trưởng thành và có khả năng tự lập được nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Sỹ N.

Hội đồng xét xử xét thấy đối với cháu Nguyễn Sỹ N từ nhỏ cho đến nay cháu đều ở với chị H, được chăm sóc, nuôi dạy chu đáo, nay ly hôn chị H vẫn có khả năng và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Đồng thời, nguyện vọng của cháu Nguyễn Sỹ N là muốn ở với mẹ, nguyện vọng của cháu Thanh Nhàn là chính đáng, đúng pháp luật. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Nguyễn Sỹ N, sinh ngày 07/9/2004 cho chị Nguyễn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

***Vì các lẽ trên***;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9,10 Điều 28, Điều 35; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

***Xử***:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn H. Chị Nguyễn H được ly hôn với anh Nguyễn T.

2. Giao cho chị Nguyễn H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Sỹ N, sinh ngày 07/9/2004 cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được can trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản và nghĩa vụ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Chị Nguyễn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002785 ngày 18/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đinh Thị Như Phượng**